TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2023/DS - ST
Ngày: 27/7/2023.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Hiệp
2. Ông Ngô Văn Cơ

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Tiểu L – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLST - DS ngày 10 tháng 02 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2023/QĐST – DS, ngày 09 tháng 6 năm 2023; Quyết định Hoãn phiên tòa số 147/QĐST-DS, ngày 6/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng N**

Địa chỉ: Số 02 đường L, phường Tg, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Minh T – Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 10 – 10A đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: - Ông Bùi Văn T, sinh năm 1973. (Bùi Văn T) (Có đơn xin vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2022và tại phiên toà hôm nay, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N ông Lâm Minh T trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm nên ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị L có ký Hợp đồng tín dụng số 760508LAV201802663/HĐTD ngày 11/12/2018 với Ngân

hàng N (Viết tắt là Ngân hàng). Số tiền vay là 180.000.000 đồng; Mục đích vay: Chi phí cải tạo ao và chi phí nuôi tôm, lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 36 tháng. Sau khi vay thì ông T, bà L chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 4.487.671 đồng, chưa thanh toán lãi cho Ngân hàng số tiền vốn nào. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông T, bà L đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2017HL008, ngày 9/3/2017 cụ thể: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 577, tờ bản đồ số 05, diện tích 9.650 m^2, loại đất: LNK, tọa lạc ấp, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R 712903, vào sổ cấp giấy 00300 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 9/01/2001 do hộ ông Bùi Văn T đứng tên QSDĐ (Có điều chỉnh họ tên ông T tại phần những thay đổi sau khi cấp giấy CNQSDĐ).

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng yêu cầu ông T và bà L trả nợ vốn là 180.000.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 92.611.233 đồng (trong đó lãi trong hạn là 78.016.438 đồng và lãi qúa hạn là 14.594.795 đồng), tổng cộng vốn và lãi là 272.611.233 đồng cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T và bà L trả dứt nợ gốc. Nếu ông T và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Đối với các bị đơn ông T đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn bà L mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự nhưng ông T, bà L không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết về ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX xử buộc các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/7/2023 tổng cộng là 272.611.233 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi hoàn tất nợ gốc. Trường hợp ông T và bà L, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ. Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Đối với bị đơn ông T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bà L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T, bà L theo quy định pháp luật.

[2] ***Về nội dung:***

- Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn hoàn trả số tiền vốn lãi tổng cộng là 272.611.233 đồng thì thấy:

[3] Vào ngày 19/10/2018 ông Bùi Văn T có ký Hợp đồng tín dụng số 7605LAV201802663/HĐTD ngày 11/12/2018 với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam để vay số tiền vốn là 180.000.000 đồng, mục đích vay: Chi phí cải tạo ao và chi phí nuôi tôm, lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 36 tháng, sau khi vay thì ông T, bà L, chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 4.487.671 đồng, không thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn nào.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông T, bà L đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2017HL008, ngày 9/3/2017 cụ thể: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 577, tờ bản đồ số 05, diện tích 9.650 m^2, loại đất: LNK, tọa lạc ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R 712903, vào sổ cấp giấy 00300 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 9/01/2001 do hộ ông Bùi Văn T đứng tên QSDĐ.

Tại phiên tòa Ngân hàng N yêu cầu ông T và bà L, hoàn trả nợ vốn là 180.000.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 92.611.233 đồng (trong đó lãi trong hạn là 78.016.438 đồng và lãi qúa hạn là 14.594.795 đồng), tổng cộng vốn và lãi là 272.611.233 đồng cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T và bà L trả dứt nợ gốc. Trong trường hợp ông T và bà L không thanh toán đầy đủ số tiền vốn vay và các khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét thấy, theo hợp đồng tín dụng số 7605LAV201802663/HĐTD ngày 11/12/2018 thì phía nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ là giao cho ông T và bà L số tiền vốn vay như thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng phía bị đơn không thực hiện đúng hợp đồng như đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông T và bà L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vốn là 180.000.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 92.611.233đồng (trong đó lãi trong hạn là 78.016.438 đồng và lãi qúa hạn là 14.594.795 đồng), tổng cộng vốn và lãi là 272.611.233 đồng.

[5] Như vậy các bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm hợp đồng, là có lỗi. Căn cứ Điều 10 của hợp đồng tín dụng số 7605LAV201802663/HĐTD ngày 11/12/2018 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tính dụng có quyền chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà L có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/7/2023 số tiền là 272.611.233

đồng cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T và bà L trả dứt nợ gốc là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về xử lý tài sản thế chấp: Xét thấy, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2017HL008, ngày 9/3/2017 đã ký giữa Ngân hàng với ông T và bà L thì trường hợp ông T và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 577, tờ bản đồ số 05, diện tích 9.650 m^2, loại đất: LNK, tọa lạc ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R 712903, vào sổ cấp giấy 00300 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 9/01/2001 do hộ ông Bùi Văn T đứng tên QSDĐ. Vì vậy HĐXX công nhận hợp đồng thế chấp và chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp các bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tuy nhiên theo biên bản xem xét, thẩm định tại chổ ngày 30/5/2023 thì trên thửa đất đã thế chấp có 01 căn nhà cấp 4 của ông T và bà L có diện tích ngang 5,4m, dài 12m, có kết cấu: Mái lợp tol Xi măng, nền lót gạch men, vách xây tường cột đúc, ngoài ra có 01 mái che chiều ngang 5,4m, dài 12m có kết cấu nền đất, lợp tol Xi măng, vách lá, đòn tay gỗ. Vì vậy đối với phần tài gắn liền với đất nêu trên, căn cứ vào Điều 325 của Bộ luật dân sự quy định thì trường hợp thế chấp quyền sử dụng QSDĐ mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất. Do đó phần tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà của ông T và bà L sẽ được phát mãi cùng với quyền sử dụng đất đã thế chấp theo quy định.

[7] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/7/2023 số tiền là tổng cộng là 272.611.233 đồng cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T và bà L trả dứt nợ gốc là có căn cứ để chấp nhận. Nếu trường hợp ông T và bà L không thực hiện việc thanh toán cho Ngân hàng số vốn và lãi còn nợ như trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên để thu hồi nợ.

[8] - Đối với phần nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị L, HĐXX xét thấy: Mặc dù bà L không ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay tiền, tuy nhiên theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là nghĩa vụ do một người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ chồng cùng phải chịu có nghĩa vụ thanh toán khi có tranh chấp, đồng thời quá trình giải quyết vụ án bà L không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy cần buộc bị đơn bà L và ông T phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như trên là có căn cứ.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.630.000 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ: Ông T và bà L phải chịu số tiền là 700.000 đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên T và bà L có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 700.000 đồng.

[11] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 317; Điều 318; Điều 325; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/7/2023 tổng cộng vốn và lãi là 272.611.233 đồng *(Hai trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm mười một ngàn hai trăm ba mươi ba đồng)*(trong đó số tiền vốn là 180.000.000 đồng và số tiền lãi là 92.611.233 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, T và bà L còn phải chịu lãi trên số nợ gốc theo lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7605LAV201802663/HĐTD ngày 11/12/2018 cho đến khi hoàn tất nợ gốc. Trong trường hợp ông T và bà L không trả vốn và lãi cho Ngân hàng N, để đảm bảo việc thu hồi nợ thì Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành dân sự huyện Mỹ Xuyên phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2017HL008, ngày 9/3/2017 đã ký giữa Ngân hàng với ông T và bà L đối với Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 577, tờ bản đồ số 05, diện tích 9.650 m^2, loại đất: LNK, tọa lạc ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà cấp 4 của ông T và bà L có diện tích ngang 5,4m, dài 12m, có kết cấu: Mái lợp tol Xi măng, nền lót gạch men, vách xây tường cột đúc, ngoài ra có 01 mái che chiều ngang 5,4m, dài 12m có kết cấu nền đất, lợp tol Xi măng, vách lá, đòn tay gỗ trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R 712903, vào sổ cấp giấy 00300 được UBND huyện M cấp ngày 9/01/2001 do hộ ông Bùi Văn T đứng tên QSDĐ để thu hồi nợ. Ông T, bà L phải cùng có trách nhiệm liên đới giao toàn bộ tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với

đất cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ nếu ông T và bà L không thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ trên.

3. <u>Về án phí dân sự sơ thẩm:</u>

- Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.800.000 đồng theo biên lai thu số 0002843, ngày 06/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.630.000 đồng.

- *<u>Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ</u>:* Ông T và bà L phải chịu số tiền là 700.000 đồng. Ngân hàng N đã nộp tạm ứng trước nên ông T và bà L có trách nhiệm nộp để hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 700.000 đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm..

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải